

BỘ TÀI CHÍNH**BỘ TÀI CHÍNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 109/2014/TT-BTC

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2014

THÔNG TƯ**Hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 72/2013/QĐ-TTg
ngày 26/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế,
chính sách tài chính đối với khu kinh tế cửa khẩu**

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 14/3/2008;

Căn cứ Quyết định số 72/2013/QĐ-TTg ngày 26/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế, chính sách tài chính đối với khu kinh tế cửa khẩu;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 5776/VPCP-KTTH ngày 30/7/2014 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 72/2013/QĐ-TTg;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 72/2013/QĐ-TTg ngày 26/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế, chính sách tài chính đối với khu kinh tế cửa khẩu (sau đây gọi là Quyết định số 72/2013/QĐ-TTg).

Điều 1. Khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu

Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quyết định số 72/2013/QĐ-TTg, khu kinh tế thương mại đặc biệt, khu thương mại công nghiệp, khu thương mại tự do và các khu có tên gọi khác được xác định là khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu, có quan hệ mua bán trao đổi hàng hóa, dịch vụ giữa khu này với bên ngoài là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện:

1. Được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
2. Là khu vực địa lý có ranh giới xác định.
3. Được ngăn cách với lãnh thổ bên ngoài bằng hàng rào cứng (trừ Khu Kinh tế - Thương mại đặc biệt Lao Bảo, tỉnh Quảng Trị và Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Cầu Treo, tỉnh Hà Tĩnh).

4. Có cổng và cửa ra vào bảo đảm điều kiện cho sự kiểm tra, giám sát, kiểm soát của cơ quan Hải quan và các cơ quan chức năng khác có liên quan, có tổ chức Hải quan thực hiện kiểm tra, giám sát hàng hóa và phương tiện ra, vào khu.

Điều 2. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp

Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoạt động trong khu kinh tế cửa khẩu thực hiện theo quy định áp dụng đối với khu kinh tế của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 3. Ưu đãi về thuế thu nhập cá nhân

Người Việt Nam và người nước ngoài trực tiếp làm việc, sản xuất kinh doanh tại khu kinh tế cửa khẩu, có thu nhập từ việc làm, sản xuất kinh doanh tại khu kinh tế cửa khẩu thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân theo quy định tại Luật Thuế thu nhập cá nhân được giảm 50% số thuế phải nộp theo hướng dẫn tại Thông tư số 176/2009/TT-BTC ngày 09/9/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc giảm thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân làm việc tại khu kinh tế.

Điều 4. Ưu đãi về thuế giá trị gia tăng

1. Hàng hóa, dịch vụ từ khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu xuất khẩu ra nước ngoài thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

2. Hàng hóa, dịch vụ sản xuất và được tiêu thụ trong khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

3. Hàng hóa, dịch vụ được mua bán giữa các khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu với nhau thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

4. Hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu từ nước ngoài vào và được tiêu thụ trong khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng, trừ hàng hóa thuộc danh mục mặt hàng chịu thuế ngay khi nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu quy định tại mục II phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Hàng hóa, dịch vụ từ các khu chức năng khác trong khu kinh tế cửa khẩu và hàng hóa, dịch vụ từ nội địa Việt Nam xuất khẩu vào khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng là 0%, trừ những trường hợp sau:

a) Hàng hóa, dịch vụ không được áp dụng thuế giá trị gia tăng 0% theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng số 31/2013/QH13) và các văn bản hướng dẫn thi hành;

b) Hàng hóa không thực hiện thủ tục hải quan khi xuất khẩu từ các khu chức năng khác trong khu kinh tế cửa khẩu và từ nội địa Việt Nam vào khu phi thuế quan không được ngăn cách với lãnh thổ bên ngoài bằng hàng rào cứng.

Danh mục hàng hóa không thực hiện thủ tục hải quan và danh mục hàng hóa kiểm tra trước khi hoàn thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hàng hóa nêu tại khoản này được quy định tại phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Hàng hóa, dịch vụ từ khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu đưa vào tiêu thụ tại các khu chức năng khác trong khu kinh tế cửa khẩu hoặc đưa vào tiêu thụ trong nội địa Việt Nam phải chịu thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Về thuế tiêu thụ đặc biệt

1. Hàng hóa từ khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu xuất khẩu ra nước ngoài thuộc đối tượng không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

2. Hàng hóa sản xuất và được tiêu thụ trong khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ các trường hợp sau:

a) Xe ô tô chở người dưới 24 chỗ;

b) Hàng hóa sản xuất, tiêu thụ trong khu phi thuế quan không được ngăn cách với lãnh thổ bên ngoài bằng hàng rào cứng.

3. Hàng hóa được mua bán giữa các khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu với nhau thuộc đối tượng không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ các trường hợp sau:

a) Xe ô tô chở người dưới 24 chỗ;

b) Hàng hóa mua bán với khu phi thuế quan không được ngăn cách với lãnh thổ bên ngoài bằng hàng rào cứng.

4. Hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào và được tiêu thụ trong khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ các trường hợp sau:

a) Xe ô tô chở người dưới 24 chỗ;

b) Hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan không được ngăn cách với lãnh thổ bên ngoài bằng hàng rào cứng;

c) Hàng hóa thuộc danh mục mặt hàng chịu thuế ngay khi nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu quy định tại mục II phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Hàng hóa từ các khu chức năng khác trong khu kinh tế cửa khẩu và hàng hóa từ nội địa Việt Nam xuất khẩu vào khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ các trường hợp sau:

a) Xe ô tô chở người dưới 24 chỗ;

b) Hàng hóa từ nội địa xuất khẩu vào khu phi thuế quan không được ngăn cách với lãnh thổ bên ngoài bằng hàng rào cứng.

6. Hàng hóa từ khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu đưa vào tiêu thụ tại các khu chức năng khác trong khu kinh tế cửa khẩu hoặc đưa vào tiêu thụ trong nội địa Việt Nam thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ hàng hóa đã chịu thuế tiêu thụ đặc biệt quy định tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này.

7. Việc khấu trừ, hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt và các nội dung khác liên quan đến hàng hóa, dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được thực hiện theo quy định của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 6. Ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

1. Hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư tại khu kinh tế cửa khẩu (trừ khu phi thuế quan) được miễn thuế nhập khẩu, bao gồm:

a) Thiết bị, máy móc nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a.1) Phù hợp với lĩnh vực đầu tư, mục tiêu, quy mô của dự án đầu tư;

a.2) Đáp ứng các quy định về tài sản cố định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

b) Phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ trong nước chưa sản xuất được; phương tiện vận chuyển đưa đón công nhân gồm xe ô tô từ 24 chỗ ngồi trở lên và phương tiện thủy. Trong đó:

b.1) Phương tiện vận tải chuyên dùng trong nước đã sản xuất được để làm căn cứ thực hiện việc miễn thuế nhập khẩu nêu tại điểm này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2012/TT-BKHĐT ngày 13/8/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành danh mục máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng, nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm trong nước đã sản xuất được;

b.2) Phương tiện vận tải chuyên dùng nằm trong dây chuyền công nghệ để làm căn cứ thực hiện việc miễn thuế nhập khẩu nêu tại điểm này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BKHHCN ngày 18/02/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn xác định phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ.

c) Linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng, gá lắp, khuôn mẫu, phụ kiện đi kèm để lắp ráp đồng bộ với thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng quy định tại điểm a và điểm b khoản này nếu thuộc một trong hai điều kiện sau:

c.1) Là linh kiện, chi tiết, bộ phận của thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải được nhập khẩu ở dạng rời;

c.2) Là linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng gá lắp, khuôn mẫu, phụ kiện nhập khẩu để lắp ráp, kết nối các máy móc, thiết bị lại với nhau để đảm bảo hệ thống máy móc, thiết bị được vận hành bình thường.

d) Nguyên liệu, vật tư trong nước chưa sản xuất được dùng để chế tạo thiết bị, máy móc nằm trong dây chuyền công nghệ hoặc để chế tạo linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng, gá lắp, khuôn mẫu, phụ kiện đi kèm để lắp ráp đồng bộ với thiết bị, máy móc quy định tại điểm a khoản này. Trong đó, nguyên liệu, vật tư trong nước đã sản xuất được để làm căn cứ thực hiện việc miễn thuế nhập khẩu nêu tại điểm này thực hiện theo quy định Thông tư số 04/2012/TT-BKHĐT ngày 13/8/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành danh mục máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng, nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm trong nước đã sản xuất được;

đ) Vật tư xây dựng trong nước chưa sản xuất được. Trong đó, vật tư xây dựng trong nước đã sản xuất được để làm căn cứ thực hiện việc miễn thuế nhập khẩu nêu tại điểm này thực hiện theo quy định Thông tư số 04/2012/TT-BKHĐT ngày 13/8/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành danh mục máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng, nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm trong nước đã sản xuất được.

Việc miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu quy định tại khoản này được áp dụng cho cả trường hợp mở rộng quy mô dự án, thay thế công nghệ, đổi mới công nghệ.

2. Nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để sản xuất của các dự án đầu tư trong khu kinh tế cửa khẩu (trừ các dự án sản xuất các sản phẩm chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, sản phẩm điện tử, điện lạnh và những mặt hàng khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ) được miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 (năm) năm, kể từ ngày bắt đầu sản xuất.

Việc xác định nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được làm căn cứ miễn thuế nhập khẩu thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2012/TT-BKHĐT ngày 13/8/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành danh mục máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng, nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm trong nước đã sản xuất được.

3. Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu:

a) Hàng hóa từ khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu xuất khẩu ra nước ngoài thuộc đối tượng không chịu thuế xuất khẩu;

b) Hàng hóa đưa từ khu phi thuế quan này sang khu phi thuế quan khác thuộc đối tượng không chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

c) Hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào và chỉ sử dụng trong khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế nhập khẩu, trừ hàng hóa thuộc danh mục mặt hàng chịu thuế ngay khi nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu quy định tại mục II phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Hàng hóa từ các khu chức năng khác trong khu kinh tế cửa khẩu và hàng hóa từ nội địa Việt Nam xuất khẩu vào khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu thuộc đối tượng chịu thuế xuất khẩu, trừ các trường hợp sau: